

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023

V/v: tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN - TP.CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Vân

2. Ông Hồ Minh Khương

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: khu vực B, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Hoài T**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: khu vực B, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu T** trình bày: chị và anh **Dương Hoài T** tự nguyện tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không có tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên **Nguyễn Minh Q** (nam) sinh ngày 25/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình nên chị T dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị ly thân từ thời gian đó đến nay. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị T yêu cầu tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Thanh. Về con chung: chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Q đến khi trưởng thành không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Dương Hoài T thì cho rằng:* anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu T về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với chị T. Đồng ý giao con chung là cháu Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do anh bận công việc nên đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, anh vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Dương Hoài T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Hoài T. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14

của Luật này”. Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”.

Hội đồng xét xử thấy rằng, anh T và chị T đều xác định anh chị chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, trong cuộc sống gia đình có nhiều bất đồng, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị cũng đã ly thân để cho các bên thời gian suy nghĩ, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T không có sự thương yêu, gắn bó, quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, đồng thời chị T anh T đều thống nhất yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa anh chị nên có cơ sở chấp nhận.

[4] *Đối với bị đơn anh Dương Hoài T* có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[5] *Về con chung*: chị T anh T thống nhất giao cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 25/01/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và tại bản tự khai cháu Minh Q cũng có nguyện vọng sống cùng với mẹ, do đó giao cháu Minh Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị T anh T trình bày không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Dương Hoài T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q (nam) sinh ngày 25/01/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Dương Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Dương Hoài T theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Dương Hoài T trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003545 ngày 09/5/2023 thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;

Đặng Nguyễn Khánh Xuân